

Số: 75/QĐ-TrMNTB

Thanh Bình, ngày 11 tháng 10 năm 2024

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục  
mầm non; kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non  
Năm học 2024 - 2025**

### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON THANH BÌNH**

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Quyết định số 71/QĐ – TrMNTB, ngày 22/9/2024 của trường Mầm non Thanh Bình thành phố Điện Biên Phủ về việc ban hành quy chế thực hiện công khai trong hoạt động của trường mầm non Thanh Bình, năm học 2024 -2025;*

*Theo đề nghị của phó hiệu trưởng trường mầm non Thanh Bình.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công bố công khai điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục mầm non; kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non của trường Mầm non Thanh Bình thành phố Điện Biên Phủ năm học 2024 – 2025.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Các phó Hiệu trưởng trường Mầm non Thanh Bình và các cá nhân trường Mầm non Thanh Bình có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như điều 3 (hscv);
- Web trường MNTB;
- Lưu: HSNTr, VT.

### **HIỆU TRƯỞNG**



**Lê Thị Tâm**

## CÔNG KHAI

### Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục mầm non

#### 1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo:

Tổng số CBGVNV nhà trường: 20 người. Trong đó: BGH 02 đ/c; GV: 14; Nhân viên: 04 đ/c; được chia làm 3 tổ (02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng).

Trình độ đội ngũ CBGVNV: Đại học:  $17/20 = 85\%$ ; Trung cấp: 01 (01 y tế) = %; 02 chưa qua đào tạo (bảo vệ) = 10%;

Trình độ TCTL: 6/20 đạt tỷ lệ 30%; Quản lý nhà nước 2/20 đạt tỷ lệ 10%;

Trình độ Ngoại ngữ: 18/20 đạt tỷ lệ 90%; Tiếng dân tộc: 4/20 đạt tỷ lệ 20%; trình độ tin học 18/20 đạt tỷ lệ 90%;

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp:

Kết quả đánh giá xếp loại theo chuẩn HT, PHT: Tổng số 2, xếp loại Tốt: 02. Tỷ lệ 100%.

Kết quả đánh giá xếp loại theo chuẩn NNGVMN: Tổng số 14, xếp loại Tốt: 12/13, tỷ lệ 85.7%; Khá: 02/14, tỷ lệ 14.2%.

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định:

Tổng số có: 02 CBQL, 14 GV và 04 nhân viên đã tích cực trong công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ như: Tự học, tự bồi dưỡng; học tập bồi dưỡng thường xuyên; tham gia sinh hoạt chuyên môn,... Công tác BDTX đúng quy định. Đã qua lớp thăng hạng chức danh nghề nghiệp: 16/16 đạt tỷ lệ 100%.

#### 2. Thông tin về cơ sở vật chất:

a. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

Trường có tổng diện tích là 2.490m<sup>2</sup>, bình quân 14.5m<sup>2</sup>/trẻ em; tổng diện tích sân chơi là 1.190m<sup>2</sup>, bình quân 5.89m<sup>2</sup>/trẻ em đạt so với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

b. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối Phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

- 03 khối nhà 02; 03 tầng có tổng diện tích xây dựng 1.300 m<sup>2</sup>

- **Khối nhà 01:** + Tầng 1 gồm: 04 phòng học (02 lớp nhà trẻ, 02 lớp mẫu giáo bé) với tổng diện tích 208 m<sup>2</sup>.

+ Tầng 2 gồm: 02 phòng học; 02 phòng ngủ (01 lớp mẫu giáo nhỡ, 01 lớp mẫu giáo lớn) với tổng diện tích 208 m<sup>2</sup>.

+ Tầng 3 gồm: 03 phòng học chức năng; 01 phòng HĐ âm nhạc 75 m<sup>2</sup>; 01 Ngoại ngữ ( Thê chất ) 75 m<sup>2</sup>; 01 phòng Kismet 75 m<sup>2</sup>; 01 phòng kho với tổng diện tích 75 m<sup>2</sup>

- **Khối nhà 02; 2 tầng gồm:** 04 phòng (01 lớp mẫu giáo nhỡ, 01 mẫu giáo lớn; 02 phòng ngủ lớp mẫu giáo nhỡ; MG lớn) với tổng diện tích 204 m<sup>2</sup>; 01 phòng nhân viên với tổng diện tích 15 m<sup>2</sup>.

- Khối nhà 03; 2 tầng gồm: 01 phòng họp có diện tích 62 m<sup>2</sup>; 02 phòng phó hiệu trưởng có diện tích 30m<sup>2</sup>; 01 phòng hiệu trưởng có diện tích 15m<sup>2</sup>; 02 phòng vệ sinh dành cho cán bộ giáo viên có diện tích 13.6m<sup>2</sup>; 01 phòng quản trị hành chính có diện tích 15 m<sup>2</sup>; 01 phòng y tế có diện tích 15 m<sup>2</sup>.

- Khu vực bếp: Gồm các khu sơ chế, khu chế biến, khu chia ăn, kho thực phẩm diện tích 53.8m<sup>2</sup>.

- Ngoài ra còn có các hạng mục phụ trợ gồm 01 phòng bảo vệ diện tích 7.6m<sup>2</sup>, 01 nhà để xe của CBGVNV diện tích 190m<sup>2</sup>. Khu vực sân rộng, 01 khu vui chơi phát triển vận động có diện tích 1.110m<sup>2</sup>. Tất cả các hạng mục công trình, khối phụ trợ đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định.

c. Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có: 08 bộ đáp ứng với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

d. Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác: Đồ chơi ngoài trời tổng số 10 bộ; thiết bị: Máy tính: 3 bộ, máy chiếu: 08 bộ, máy Kismet: 10 bộ, máy ảnh kỹ thuật số: 01 cái, đàn Ooc gan: 11 cái có đủ đồ chơi ngoài trời, các thiết bị theo quy định đáp ứng yêu cầu học tập, vui chơi của trẻ.

### 3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Hằng năm nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục và báo cáo kết quả đảm bảo theo từng tiêu chí.

b. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hàng năm: Nhà trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II theo Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 của UBND tỉnh Điện Biên; công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ II theo Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của UBND tỉnh Điện Biên.

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

a. Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp:

b. Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục:

c. Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục.

## CÔNG KHAI

### Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non.
  - a. Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, Chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;
  - b. Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;
  - c. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội;
  - d. Thực đơn hàng ngày của trẻ em;
  - e. Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có).
2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:
  - a. Tổng số trẻ em: 202 trẻ; tổng số nhóm, lớp: 08 lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp: 25.2 học sinh/lớp.
  - b. Số trẻ em học nhóm, lớp ghép: Không có
  - c. Số trẻ em học 02 buổi/ngày: 202 trẻ
  - d. Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú: 202 trẻ
  - e. Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ: 202 trẻ
  - f. Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi: 66 trẻ
  - g. Số trẻ em khuyết tật: Không
3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng trẻ em đang học (chia theo số lượng trẻ em là người Việt Nam và số lượng trẻ em là người nước ngoài).